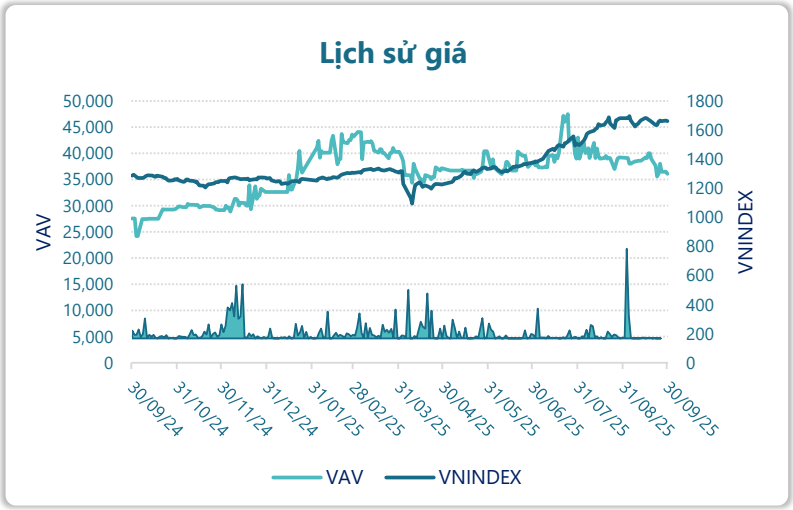
FireAnt

CTCP VIWACO (UPCOM: VAV)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**36,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	47,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,201
SL cổ phiếu LH	47,999,995
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,150
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,733
P/E	8.9
EPS	4,046

DT thuần

Q3/25

278

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0| -4.5%

YoY: ▲ 10.0| 3.7%

LN sau thuế

Q3/25

29.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.20| -17.4%

YoY: ▼30.2| -50.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

13.8%

+/- YoY: ▼ 14.8%

DT thuần

9T 2025

807

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0| 4.9%

LN sau thuế

9T 2025

120

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.0| -20.1%

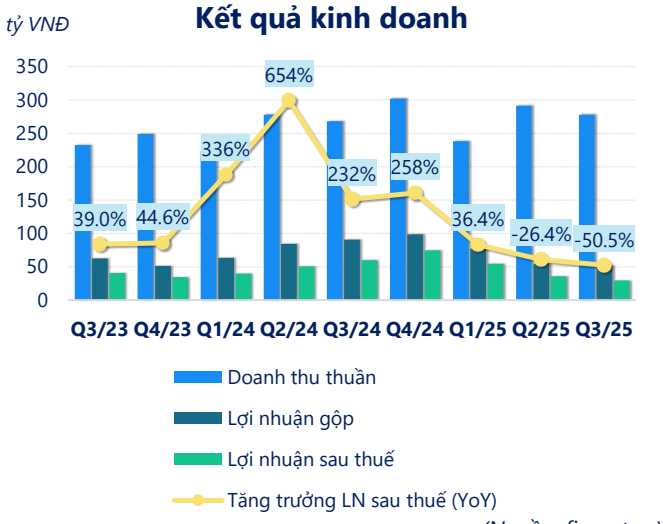
ROE

Q3/25

27.2%

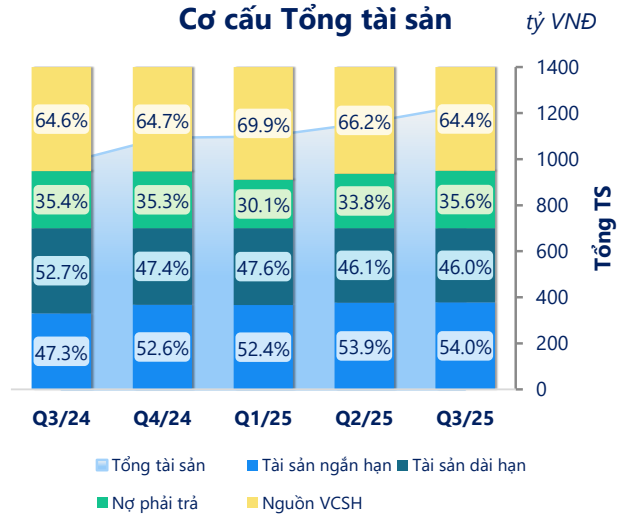
+/- YoY: ▼ 5.8%

Kết quả kinh doanh



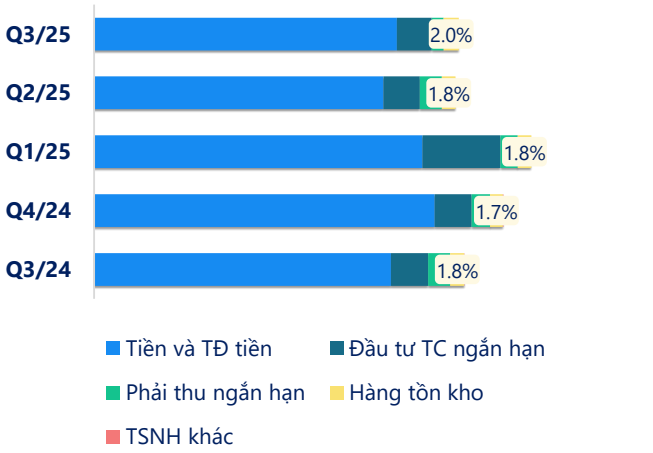
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



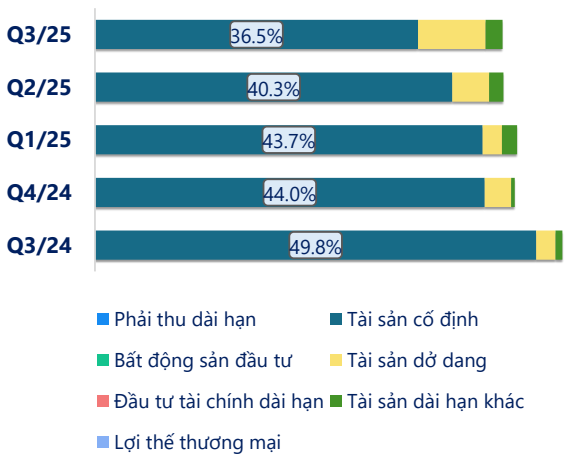
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



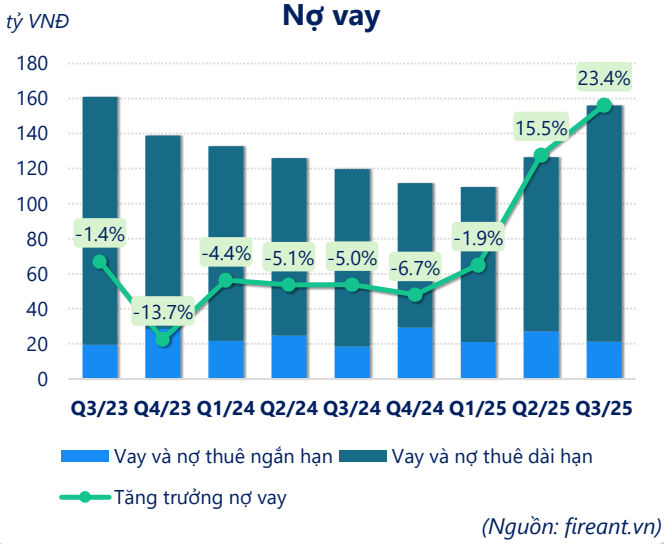
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



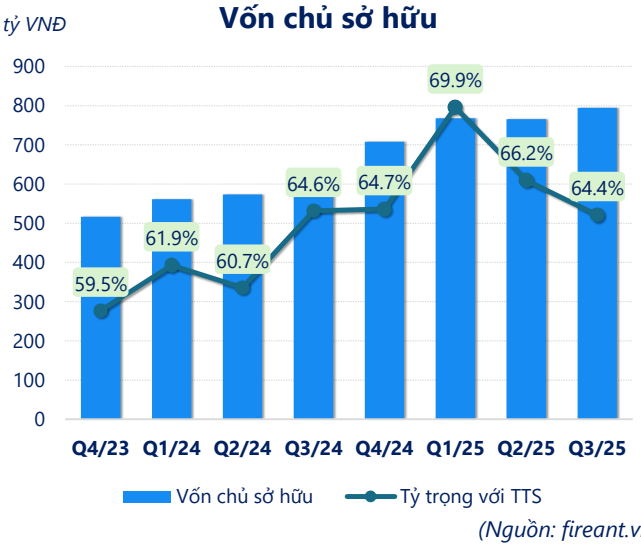
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



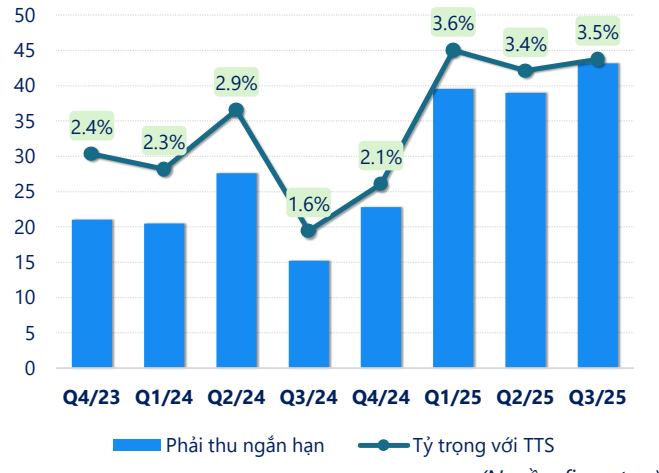
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



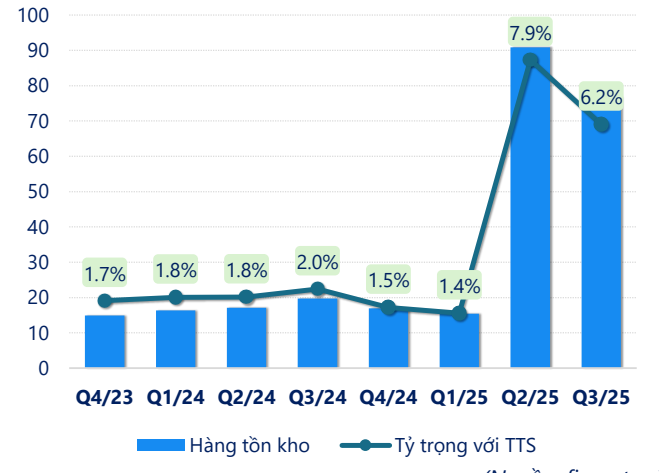
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



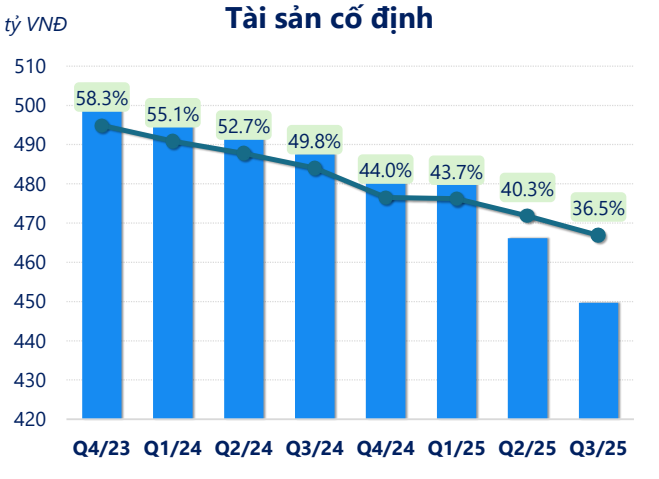
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



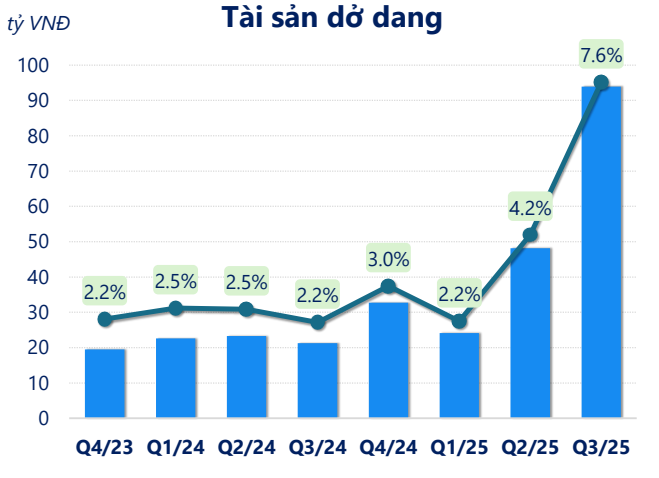
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



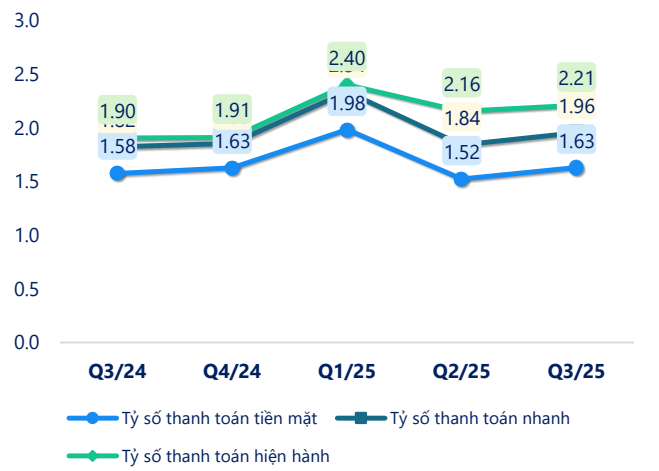
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**979**	**1,093**	**1,098**	**1,156**	**1,233**
Tài sản ngắn hạn	**463**	**575**	**575**	**623**	**666**
Tiền và tương đương tiền	383	490	475	440	492
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	45.0	45.0	50.0	50.0
Phải thu ngắn hạn	15.2	22.8	39.5	39.0	43.2
Hàng tồn kho	19.7	16.9	15.4	90.8	76.6
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.35	0	2.94	4.59
Tài sản dài hạn	**516**	**518**	**523**	**533**	**567**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	488	481	480	466	450
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.3	32.8	24.1	48.1	93.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.58	4.46	18.8	18.5	23.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**346**	**385**	**330**	**391**	**439**
Nợ ngắn hạn	**243**	**301**	**240**	**289**	**302**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.5	29.3	21.0	27.2	21.2
Phải trả người bán ngắn hạn	76.2	145	98.1	127	142
Nợ dài hạn	103	84.5	90.8	102	137
Vay và nợ thuê dài hạn	101	82.3	88.5	99.3	135
Nguồn vốn chủ sở hữu	**633**	**707**	**768**	**765**	**795**
Vốn chủ sở hữu	**633**	**707**	**768**	**765**	**795**
Vốn điều lệ	320	320	320	320	480
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)